

PHÁC THẢO NHẬN THỨC CỦA HỌC SINH TRUNG HỌC PHỔ THÔNG TỈNH SƠN LA VỀ GIÁ TRỊ NGHỀ

Lò Thị Thoan

Viện Tâm lý học.

1. Đặt vấn đề

Như chúng ta đều biết, nhận thức, tình cảm và hành động là ba mặt cơ bản của đời sống tâm lý con người. Sống và hoạt động trong thế giới khách quan, con người phải nhận thức, tỏ thái độ và hành động với thế giới ấy. Trong quá trình hoạt động lao động, con người phải nhận thức các giá trị nghề (GTN), trên cơ sở đó con người tỏ thái độ, tình cảm đối với các giá trị đó và hành động để hướng tới các GTN khác nhau. Tuy nhiên, nhận thức về các GTN của mỗi cá nhân khác nhau ở các mức độ khác nhau.

2. Khách thể và phương pháp nghiên cứu

- *Khách thể nghiên cứu*: Nhằm tìm hiểu nhận thức của học sinh (HS) THPT tỉnh Sơn La về nghề và GTN, tháng 11 năm 2009, chúng tôi tiến hành điều tra 669 HS ba trường THPT: trường Tô Hiệu, trường Thuận Châu và trường Mai Sơn với các tiêu chí: số HS, HS nam nữ và HS các khối 10,11,12 tương đương nhau.

- *Phương pháp nghiên cứu*: Phương pháp chính được sử dụng trong đề tài này là điều tra bằng bảng hỏi:

30 GTN được liệt kê theo 30 mệnh đề (với độ tin cậy khá cao: α Cronbach = 0,85) và các em HS lựa chọn từng mệnh đề theo 4 mức độ, từ “Hoàn toàn không cần thiết” đến “Rất cần thiết”. GTN cần thiết đối với xã hội; gia đình; cá nhân lần lượt được chúng tôi gọi là *GTN xã hội*, *GTN gia đình*, *GTN cá nhân*. Để đo mức độ nhận thức của HS đối với các GTN (10 mệnh đề đối với từng giá trị), các mức độ từ “hoàn toàn không cần thiết” đến “Rất cần thiết” được lượng hóa thành khoảng điểm từ 1 $\rightarrow$ 4 và quy gán theo 3 mức sau: *Mức thấp*: Điểm trung bình (ĐTB) nằm trong khoảng

1 và ≤ 2 ; *Mức TB*: ĐTB nằm trong khoảng 2 đến ≤ 3 ; và *Mức cao*: ĐTB nằm trong khoảng từ 3 đến 4.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Nhận thức của HS THPT tỉnh Sơn La về khái niệm “Nghề” và “Giá trị nghề”

Kết quả nghiên cứu cho thấy, hầu hết các em HS đều có nhận thức đúng về hai vấn đề nói trên. Cụ thể có 610 HS chiếm 90,4% HS đều cho rằng nghề là một việc làm lâu dài, được đào tạo, có thu nhập nhằm đảm bảo đời sống của cá nhân và phát triển xã hội. Còn đối với câu hỏi về GTN, 517 HS trả lời đúng chiếm 89,2%. Tuy nhiên, ở mỗi một trường, khối lớp, giới tính, học lực khác nhau có kết quả nhận thức khác nhau.

Các bạn nữ nhận thức vấn đề tốt hơn các bạn nam về “Nghề là gì” thông qua con số thực tế: 99,4% các bạn nữ trả lời đúng, còn các bạn nam trả lời đúng chiếm 68%, sự khác biệt này mang ý nghĩa thống kê ($X^2 = 15,94$; $p < 0.05$). Điều này cho thấy những phạm trù mang tính xã hội, tỉ mỉ liên quan đến tương lai và nhu cầu của chính mình thì các bạn nữ thường quan tâm hơn các bạn nam.

Ở các trường cũng có sự khác nhau về nhận thức nghề và GTN, trường Tô Hiệu đóng ở địa bàn thành phố - nơi HS được tiếp cận nhiều thông tin về nghề với các phương tiện đại chúng hiện đại, nên lượng HS trả lời đúng cũng cao hơn so với hai trường Thuận Châu và Mai Sơn - là hai trường đóng trên địa bàn các huyện. Thực tế kết quả cho thấy, có 98% HS trường THPT Tô Hiệu, 84% HS trường THPT Thuận Châu và 90% HS Mai Sơn nhận thức đúng khái niệm “Nghề”. Tuy nhiên, sự khác nhau này không có ý nghĩa về mặt thống kê ($p > 0.05$).

Lớp 12 có số lượng HS trả lời đúng đối với câu hỏi này đông hơn so với các khối lớp dưới. Cụ thể, HS khối lớp 12 trả lời đúng cao hơn so với HS khối lớp 10 là khoảng 6%, còn lớp 11 khoảng 4%. Điều này cũng là lẽ tất nhiên bởi vì càng học cuối cấp, không những vốn tri thức hướng nghiệp của các em nhiều hơn mà còn là sự thúc đẩy của việc lựa chọn nghề nghiệp gần kề khiến các em cũng có nhiều suy nghĩ, tìm hiểu các ngành nghề khác nhiều hơn so với các HS các khối học khác. Kết quả nghiên cứu của chúng tôi cũng chỉ ra rằng HS có lực học càng cao nhận thức vấn đề càng sâu sắc, do vậy nhìn nhận đúng về nghề và GTN cũng cao hơn.

3.2. Nhận thức của HS THPT tỉnh Sơn La về giá trị nghề

3.2.1. Nhận thức của HS THPT tỉnh Sơn La về các giá trị nghề nói chung

Bảng 1: Nhận thức các giá trị nghề nói chung của HS PTTH tỉnh Sơn La

Các giá trị nghề nói chung	ĐTB	ĐLC	Mức độ nhận thức
GTN xã hội	3,13	0,51	Mức cao
GTN gia đình	2,54	0,46	Mức TB
GTN cá nhân	2,92	0,43	Mức TB
Các giá trị nghề nói chung	2,87	0,38	Mức TB

Quan sát số liệu trình bày ở bảng 1, ta có thể thấy, nhận thức của HS THPT tỉnh Sơn La về các GTN nói chung ở mức TB ($\bar{X} = 2,87$, $LC = 0,38$), trong đó GTN xã hội được HS nhận thức ở mức độ cao ($\bar{X} = 3,13$, $LC = 0,51$) và cao hơn cả so với hai GTN còn lại (GTN gia đình và GTN cá nhân). GTN xã hội, gia đình, cá nhân là các giá trị cần thiết đối với lần lượt là xã hội, gia đình và cá nhân. Việc các HS PTTH tỉnh Sơn La nhận thức GTN xã hội ở mức độ cao và cao hơn cả so với hai GTN còn lại (GTN gia đình và GTN cá nhân) trong khi lựa chọn nghề cho mình cho thấy, ở các em, lý tưởng phát triển xã hội, bao hàm lý tưởng phát triển tỉnh Sơn La là lý tưởng lớn nhất của các em. Song song với lý tưởng phát triển xã hội, kết quả nghiên cứu cũng phản ánh rõ mức độ nhận thức cao của các em đối với những GTN gia đình và GTN cá nhân, vừa có lợi cho gia đình, cho bản thân, vừa có lợi cho sự phát triển xã hội. Chúng tôi sẽ phân tích vấn đề này rõ hơn trong khi trình bày mức độ nhận thức của các em về từng GTN cụ thể ở các tiểu mục tiếp theo.

3.2.2. Nhận thức của HS PTTH tỉnh Sơn La về từng giá trị nghề cụ thể

3.2.2.1. Nhận thức của HS PTTH tỉnh Sơn La về giá trị nghề xã hội

Như chúng tôi đã trình bày ở trên, kết quả thu được cho thấy nhận thức của HS về GTN xã hội ở mức độ cận dưới của mức độ cao và tương đối đồng đều do độ lệch chuẩn thấp: ($\bar{X} = 3,13$, $LC = 0,51$). Số liệu trình bày ở bảng 2 cho thấy trong 10 GTN xã hội liệt kê (α Cronbach = 0,93), có 7 GTN xã hội được HS đánh giá ở mức độ cao và 3 GTN xã hội được HS đánh giá ở mức TB. Điều này khẳng định HS THPT tỉnh Sơn La có nhận thức rất sâu sắc về tính cần thiết của các nghề đối với sự phát triển của xã hội. Thật vậy, nội dung của cả 7 GTN được HS nhận thức ở mức độ cao đều tập trung vào sự cần thiết phát triển xã hội, đất nước, đại diện cho các trả lời đó là “Nghề cần thiết cho sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước”; “Nghề làm cho xã hội ấm no, hạnh phúc”; “Nghề có thể giúp ích được nhiều nhất cho mọi người”; “Nghề góp phần trực tiếp phát triển con

người”;... Trong khi đó, ba GTN cần thiết cho sự phát triển địa phương - tỉnh Sơn La - “Nghề góp phần bảo tồn những giá trị văn hóa tốt đẹp của Sơn La”; “Nghề cần thiết cho Sơn La”: “Nghề góp phần tích cực làm cho Sơn La nhanh chóng phát triển” chỉ được các em xếp ở mức TB.

Bảng 2: Nhận thức của HS PTTH tỉnh Sơn La về giá trị nghề xã hội

Giá trị nghề xã hội	ĐTB ($\bar{X}$)	ĐLC	Thứ bậc	Mức độ		
				Thấp	TB	Cao
1. Nghề góp phần bảo tồn những giá trị văn hoá tốt đẹp của Sơn La	2,90	0,82	9		+	
2. Nghề cần thiết cho sự phát triển KT - XH của cả nước	3,59	0,64	1			+
3. Nghề làm cho xã hội ấm no, hạnh phúc	3,28	0,79	3			+
4. Nghề có thể giúp ích được nhiều nhất cho mọi người	3,19	0,83	5			+
5. Nghề góp phần trực tiếp phát triển con người	3,22	0,83	4			+
6. Nghề có thể giúp xã hội nhanh chóng có những bước phát triển vượt bậc	3,31	0,79	2			+
7. Nghề làm lợi nhiều nhất cho xã hội	2,91	0,85	8		+	
8. Nghề góp phần tích cực làm cho Sơn La nhanh chóng phát triển	3,11	0,82	6			+
9. Nghề cần thiết cho Sơn La	2,75	0,85	10		+	
10. Nghề làm ra nhiều của cải vật chất và tinh thần cho xã hội	3,06	0,86	7			+
Giá trị nghề xã hội	3,13	0,51		Mức cao		

(Độ tin cậy của thang đo: α Cronbach = 0,93; mức cao)

3.2.2.2. Nhận thức của HS PTTH tỉnh Sơn La về giá trị nghề gia đình

Kết quả thu được ở bảng 3 và với độ tin cậy của thang đo ở mức độ cao (α Cronbach = 0,91), ta có thể thấy GTN gia đình không được HS đánh giá cao mà chỉ ở mức TB ($\bar{X} = 2,54$, $LC = 0,46$). Cụ thể là 8 giá trị thiết thực của nghề liên quan đến bố mẹ và gia đình hiện tại của các em (trong 10 GTN gia đình được liệt kê với α Cronbach = 0,91) đều được các em đánh giá ở mức TB. Chỉ duy nhất hai GTN “làm thay đổi được cuộc sống

nghèo khổ của gia đình từ bao đời nay” và “để có điều kiện chăm lo được cho con cái sau này” được HS đánh giá ở mức độ cao (lần lượt là $\bar{X} = 3,44$, $LC = 0,69$ và $\bar{X} = 3,35$, $LC = 0,75$). Kết quả này cho thấy, việc lựa chọn nghề của các em sẽ ưu tiên khi nghề đó giúp gia đình các em thoát nghèo và cho phép các em sau này lo lắng được cho con cái. Ở đây, dường như có hai ý tưởng được gửi gắm: thoát nghèo và chăm lo con cái và đây là hai ý tưởng vừa phản ánh mong muốn thực tế (bởi hiện tại Sơn La vẫn là tỉnh nghèo) và nói lên tinh thần vì con cái -- vốn là truyền thống của người Việt được ghi đậm sâu nét trong tiềm thức các em. Như vậy, từ sự nhận thức này cho thấy, trong việc chọn nghề của các em, các em nhận thức cao hơn cả những GTN gia đình có lợi cho gia đình, đồng thời có lợi cho sự duy trì và bảo vệ các giá trị truyền thống tốt đẹp của gia đình Việt Nam.

Bảng 3: Nhận thức của HS PTTH tỉnh Sơn La về giá trị nghề gia đình

Giá trị nghề gia đình	ĐTB ($\bar{X}$)	ĐLC	Thứ bậc	Mức độ		
				Thấp	TB	Cao
1. Nghề quen thuộc với gia đình	2,31	0,86	5		+	
2. Nghề có nhiều điều kiện chăm lo cho con cái sau này	3,35	0,75	2			+
3. Nghề được sống gần gia đình	2,20	0,92	7		+	
4. Nghề mà bố mẹ cho là quan trọng	2,24	0,91	6		+	
5. Nghề nuôi sống gia đình	3,44	0,69	1			+
6. Nghề làm cho gia đình, dòng họ “nở mày, nở mặt”	2,36	0,97	4		+	
7. Nghề phù hợp với ý muốn của cha mẹ	1,95	0,87	9	+		
8. Nghề truyền thống của gia đình	2,20	0,86	7		+	
9. Nghề mà bố/mẹ trước đây muốn theo đuổi nhưng chưa làm được	2,05	0,89	8		+	
10. Nghề có khả năng làm thay đổi cuộc sống nghèo khổ của gia đình từ bao đời nay	3,26	0,81	3			+
Giá trị nghề gia đình	2,54	0,46	Mức TB			

(Độ tin cậy của thang đo: α Cronbach = 0,91: mức cao)

Kết quả cũng cho thấy tư tưởng của các em: Hầu hết HS đều không muốn bố mẹ can thiệp vào việc chọn nghề của mình, chính vì thế nghề phù hợp với ý muốn cha mẹ được HS đánh giá và chọn ở mức thấp ($\bar{X} = 1,95$, $LC = 0,91$). Điều này cũng nói lên ý thức tự lập phát triển mạnh mẽ ở lứa tuổi thanh thiếu niên của các em, muốn khẳng định vị trí, khẳng định cái tôi của mình. Tuy nhiên, độ lệch chuẩn tương đối cao cho thấy trong sự đánh giá này có sự phân bố không đồng đều giữa các em.

3.2.2.3. Nhận thức của HS với các giá trị nghề cá nhân

Bảng 4: Nhận thức của HS PTTII tỉnh Sơn La về các giá trị nghề cá nhân

Giá trị nghề cá nhân	ĐTB ($\bar{X}$)	ĐLC	Thứ bậc	Mức độ		
				Thấp	TB	Cao
1. Nghề mang lại nhiều hiểu biết cho bản thân	3,46	0,67	3			+
2. Nghề mang lại thu nhập cao	3,33	0,76	5			+
3. Nghề dễ vào biên chế Nhà nước	2,60	0,90	7		+	
4. Nghề tạo việc làm ổn định	3,61	0,62	1			+
5. Nghề dễ xin việc làm	3,04	0,85	6			+
6. Nghề làm cho bản thân có cơ hội không ngừng tiến bộ	3,43	0,75	4			+
7. Nghề sống ở thành phố	1,95	0,89	10	+		
8. Nghề nhàn nhã	2,01	0,96	9		+	
9. Nghề chiếm ít thời gian	2,12	0,96	8		+	
10. Nghề phù hợp với năng lực và hứng thú của bản thân	3,52	0,74	2			+
Giá trị nghề cá nhân	2,92	0,43	Mức TB			

(Độ tin cậy của thang đo: α Cronbach = 0,87; mức cao)

GTN cần thiết đối với cá nhân được HS định hướng ở mức TB ($\bar{X} = 2,92$, $LC = 0,43$). Trong 10 GTN cá nhân liệt kê (α Cronbach = 0,87), HS quan tâm nhất là “*Nghề tạo được việc làm ổn định*” ($\bar{X} = 3,6$; $LC = 0,62$). Trong hoàn cảnh còn nghèo như nước ta và đặc biệt là ở các vùng miền núi, miền sâu, miền xa như tỉnh Sơn La, tâm lý này của các em là điều dễ hiểu, bởi trước hết có sự ổn định nghề nghiệp thì mới có điều kiện để phát triển cá nhân và xã hội. Còn non trẻ, các em chưa thể mạnh dạn với sự thay đổi diễn ra vũ bão – vốn là một đặc tính của xã hội có nền kinh tế thị trường như nước ta hiện nay. Trong các GTN, HS chọn “*Nghề được làm việc ở thành phố*” với mức điểm TB thấp nhất ($\bar{X} = 1,9$, $LC = 0,89$), cho thấy

việc được ở thành phố không hẳn là ưu tiên trong việc chọn giá trị nghề của các em.

Những GTN cá nhân được HS định hướng ở mức cao đều có ý nghĩa xuất phát từ động cơ bên trong, cụ thể các em đánh giá cao các giá trị nghề mà có thể làm thay đổi bản thân, giá trị nghề phù hợp với năng lực và hứng thú của mình, giá trị nghề mang lại hiểu biết cho bản thân.

Từ kết quả nghiên cứu thực tiễn 669 HS THPT tỉnh Sơn La về nhận thức GTN chúng ta có thể thấy, nhận thức của HS về GTN nói chung ở mức TB, trong đó GTN xã hội được các em nhận thức ở mức cao nhất (so với GTN gia đình và GTN cá nhân). Trong GTN gia đình, các em lưu ý nhiều hơn đến việc lựa chọn nghề nào có thể thoát nghèo và có thể chăm sóc con cái sau này. Các em lựa chọn nghề của mình phụ thuộc vào giá trị mà các em gán cho nghề, vào năng lực, vào hứng thú và không phụ thuộc nhiều vào sự mong muốn của cha mẹ. Cùng với GTN gia đình, GTN cá nhân cũng được các em lựa chọn một cách đồng đều ở mức TB, hầu hết những giá trị này đều đem lại những lợi ích cá nhân mang tính tích cực - cũng là ước mơ để các em phấn đấu rèn luyện, tu dưỡng để phát triển bản thân, khẳng định vị trí xã hội của mình trong tương lai.

Tài liệu tham khảo

1. Phạm Tất Dong (2001), *Giúp bạn chọn nghề*, NXB Văn hoá thông tin, Hà Nội.
2. Vũ Dũng (2005), *Từ điển Tâm lý học*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.
3. Kon I.X. (1997), *Tâm lý học thanh niên*, NXB trẻ, Tp Hồ Chí Minh.
4. Phạm Minh Hạc (2002), *Tuyển tập tâm lý học*, NXB Giáo dục, Hà Nội.